

Số: 542 /QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 18 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế  
lĩnh vực giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết  
của Ủy ban nhân dân các cấp tỉnh Kon Tum**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP, ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP, ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy chế phối hợp công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 16/TTr-TTr ngày 04 tháng 7 năm 2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp tỉnh Kon Tum (có Danh mục và nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính sửa đổi kèm theo).

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các thủ tục hành chính số 2, khoản I; số 3 khoản II, số 2 khoản III phần I và II Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

tỉnh về việc Công bố các thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc lĩnh vực tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**Điều 3.** Chánh Thanh tra tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3 (T/hiện);
- Thanh tra Chính phủ (b/c);
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Chánh VP, các PCVP;
- Lưu VT-KSTTHC.



**Nguyễn Văn Hòa**



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY  
THỂ LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT TỐ CÁO THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI  
QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP TỈNH KON TUM**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2019  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**PHẦN I.  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền  
giải quyết của Thanh tra tỉnh**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính
1		Thủ tục giải quyết tố cáo	- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ

**2. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền  
giải quyết của UBND cấp huyện:**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính
1		Thủ tục giải quyết tố cáo	- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ

**3. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền  
giải quyết của UBND cấp xã:**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính
1		Thủ tục giải quyết tố cáo	- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ

## PHẦN II: NỘI DUNG CHI TIẾT TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

### I. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Thanh tra tỉnh:

#### 1. Thủ tục: *Giải quyết tố cáo*

<b>Trình tự thực hiện</b>	<p><b>Bước 1.</b> Việc tố cáo được thực hiện bằng đơn hoặc được trình bày trực tiếp tại Thanh tra tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 144 Bà Triệu, phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Khi nhận được tố cáo thì người giải quyết tố cáo có trách nhiệm phân loại và xử lý như sau:</p> <p>1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm vào sổ, phân loại, xử lý ban đầu thông tin tố cáo, kiểm tra, xác minh thông tin về người tố cáo và điều kiện thụ lý tố cáo; trường hợp phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm hoặc phải ủy quyền cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kiểm tra, xác minh thì thời hạn này có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp đủ điều kiện thụ lý thì ra quyết định thụ lý tố cáo; trường hợp không đủ điều kiện thụ lý thì không thụ lý tố cáo và thông báo ngay cho người tố cáo biết lý do không thụ lý tố cáo.</p> <p>2. Trường hợp tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn tố cáo, phải chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người tố cáo. Trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp thì cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo hướng dẫn người tố cáo đến tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết.</p> <p><b>Bước 2. Thụ lý, xác minh nội dung tố cáo:</b> Chánh Thanh tra tỉnh ban hành quyết định thụ lý giải quyết tố cáo (sau đây gọi tắt là quyết định thụ lý). Việc thay đổi, bổ sung nội dung quyết định thụ lý phải thực hiện bằng quyết định của người giải quyết tố cáo. Trong trường hợp người giải quyết tố cáo tiến hành xác minh thì trong quyết định thụ lý phải thành lập Đoàn xác minh tố cáo hoặc Tổ xác minh tố cáo (sau đây gọi chung là Tổ xác minh) có từ hai người trở lên, trong đó giao cho một người làm Trưởng đoàn xác minh hoặc Tổ trưởng Tổ xác minh (sau đây gọi chung là Tổ trưởng Tổ xác minh). Trong quá trình xác minh, Tổ xác minh phải làm việc với người bị tố cáo, người tố cáo; thu thập các tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo; báo cáo kết quả xác minh...</p> <p><b>Bước 3. Kết luận nội dung tố cáo:</b> Căn cứ vào nội dung tố cáo, giải trình của người bị tố cáo, kết quả xác minh nội dung tố cáo, tài liệu, chứng cứ có liên quan, Chánh Thanh tra tỉnh ban hành kết luận nội dung tố cáo.</p> <p>Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, Chánh Thanh tra tỉnh gửi kết luận nội dung tố cáo đến người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức quản lý người bị tố cáo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan ; thông báo về kết luận nội</p>
---------------------------	--

	<p>dung tố cáo đến người tố cáo.</p> <p><b>Bước 4. Xử lý tố cáo của người giải quyết tố cáo:</b> Chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, Chánh Thanh tỉnh căn cứ vào kết luận nội dung tố cáo tiến hành việc xử lý theo quy định.</p> <p><b>Bước 5. Công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo và thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cáo.</b></p> <p>1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ra kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo, Chánh Thanh tỉnh có trách nhiệm thực hiện việc công khai kết luận nội dung tố cáo, người có thẩm quyền xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm công khai quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo.</p> <p>2. Việc công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức sau đây:</p> <p>a) Công bố tại cuộc họp cơ quan, tổ chức nơi người bị tố cáo công tác;</p> <p>b) Niêm yết tại trụ sở làm việc hoặc nơi tiếp công dân của người đã giải quyết tố cáo, người đã ra quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo;</p> <p>c) Đăng tải trên cổng thông tin điện tử hoặc mạng thông tin nội bộ của người đã giải quyết tố cáo, người đã ra quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo;</p> <p>d) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.</p>
<b>Cách thức thực hiện</b>	Trực tiếp tại Trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính.
<b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b>	<p><b>a) Thành phần hồ sơ giải quyết tố cáo gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn tố cáo hoặc Biên bản ghi nội dung tố cáo trực tiếp;</li> <li>- Văn bản và các tài liệu khác có liên quan đến nội dung tố cáo (nếu có).</li> </ul> <p><b>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</b></p>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	<p>1. Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo.</p> <p>2. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày.</p> <p>3. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.</p> <p>4. Người giải quyết tố cáo quyết định bằng văn bản việc gia hạn giải quyết tố cáo và thông báo đến người tố cáo, người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.</p>
<b>Đối tượng thực hiện</b>	Cá nhân.
<b>Cơ quan thực hiện</b>	Thanh tra tỉnh.
<b>Kết quả thực hiện</b>	Kết luận nội dung tố cáo và quyết định xử lý người có hành vi vi phạm bị tố cáo.
<b>Tên mẫu đơn, tờ khai</b>	Không.
<b>Căn cứ pháp lý</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14</li> <li>- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ</li> </ul>

## II. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện:

### 1. Thủ tục: *Giải quyết tố cáo*

<b>Trình tự thực hiện</b>	<p><b>Bước 1.</b> Việc tố cáo được thực hiện bằng đơn hoặc được trình bày trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.</p> <p>- Địa chỉ: Trụ sở UBND cấp huyện.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Khi nhận được tố cáo thì người giải quyết tố cáo có trách nhiệm phân loại và xử lý như sau:</p> <p>1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm vào sổ, phân loại, xử lý ban đầu thông tin tố cáo, kiểm tra, xác minh thông tin về người tố cáo và điều kiện thụ lý tố cáo; trường hợp phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm hoặc phải ủy quyền cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kiểm tra, xác minh thì thời hạn này có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp đủ điều kiện thụ lý thì ra quyết định thụ lý tố cáo; trường hợp không đủ điều kiện thụ lý thì không thụ lý tố cáo và thông báo ngay cho người tố cáo biết lý do không thụ lý tố cáo.</p> <p>2. Trường hợp tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn tố cáo, phải chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người tố cáo. Trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp thì cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo hướng dẫn người tố cáo đến tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết.</p> <p><b>Bước 2. Thụ lý, xác minh nội dung tố cáo:</b> Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định thụ lý giải quyết tố cáo (sau đây gọi tắt là quyết định thụ lý). Việc thay đổi, bổ sung nội dung quyết định thụ lý phải thực hiện bằng quyết định của người giải quyết tố cáo. Trong trường hợp người giải quyết tố cáo tiến hành xác minh thì trong quyết định thụ lý phải thành lập Đoàn xác minh tố cáo hoặc Tổ xác minh tố cáo (sau đây gọi chung là Tổ xác minh) có từ hai người trở lên, trong đó giao cho một người làm Trưởng đoàn xác minh hoặc Tổ trưởng Tổ xác minh (sau đây gọi chung là Tổ trưởng Tổ xác minh). Trong quá trình xác minh, Tổ xác minh phải làm việc với người bị tố cáo, người tố cáo; thu thập các tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo; báo cáo kết quả xác minh...</p> <p><b>Bước 3. Kết luận nội dung tố cáo:</b> Căn cứ vào nội dung tố cáo, giải trình của người bị tố cáo, kết quả xác minh nội dung tố cáo, tài liệu, chứng cứ có liên quan, Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành kết luận nội dung tố cáo.</p> <p>Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, Chủ tịch UBND cấp huyện gửi kết luận nội dung tố cáo đến người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức quản lý người bị tố cáo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; thông báo về kết luận nội dung tố cáo đến người tố cáo.</p> <p><b>Bước 4. Xử lý tố cáo của người giải quyết tố cáo:</b> Chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo,</p>
---------------------------	---

	<p>Chủ tịch UBND cấp huyện căn cứ vào kết luận nội dung tố cáo tiến hành việc xử lý theo quy định.</p> <p><b>Bước 5. Công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo và thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cáo.</b></p> <p>1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ra kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo, Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm thực hiện việc công khai kết luận nội dung tố cáo, người có thẩm quyền xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm công khai quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo.</p> <p>2. Việc công khai kết luận nội dung tố cáo , quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức sau đây:</p> <p>a) Công bố tại cuộc họp cơ quan, tổ chức nơi người bị tố cáo công tác;</p> <p>b) Niêm yết tại trụ sở làm việc hoặc nơi tiếp công dân của người đã giải quyết tố cáo, người đã ra quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo;</p> <p>c) Đăng tải trên cổng thông tin điện tử hoặc mạng thông tin nội bộ của người đã giải quyết tố cáo, người đã ra quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo;</p> <p>d) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.</p>
<b>Cách thức thực hiện</b>	Trực tiếp tại Trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính.
<b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b>	<p><b>a) Thành phần hồ sơ giải quyết tố cáo gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn tố cáo hoặc Biên bản ghi nội dung tố cáo trực tiếp;</li> <li>- Văn bản và các tài liệu khác có liên quan đến nội dung tố cáo (nếu có).</li> </ul> <p><b>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</b></p>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	<p>1. Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo.</p> <p>2. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày.</p> <p>3. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.</p> <p>4. Người giải quyết tố cáo quyết định bằng văn bản việc gia hạn giải quyết tố cáo và thông báo đến người tố cáo , người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.</p>
<b>Đối tượng thực hiện</b>	Cá nhân.
<b>Cơ quan thực hiện</b>	UBND cấp huyện
<b>Kết quả thực hiện</b>	Kết luận nội dung tố cáo và quyết định xử lý người có hành vi vi phạm bị tố cáo.
<b>Tên mẫu đơn, tờ khai</b>	Không.
<b>Căn cứ pháp lý</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14</li> <li>- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ</li> </ul>

## II. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã:

### 1. Thủ tục: *Giải quyết tố cáo*

<b>Trình tự thực hiện</b>	<p><b>Bước 1.</b> Việc tố cáo được thực hiện bằng đơn hoặc được trình bày trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.</p> <p>- Địa chỉ: Trụ sở UBND cấp xã.</p> <p>- Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Khi nhận được tố cáo thì người giải quyết tố cáo có trách nhiệm phân loại và xử lý như sau:</p> <p>1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm vào sổ, phân loại, xử lý ban đầu thông tin tố cáo, kiểm tra, xác minh thông tin về người tố cáo và điều kiện thụ lý tố cáo; trường hợp phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm hoặc phải ủy quyền cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kiểm tra, xác minh thì thời hạn này có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp đủ điều kiện thụ lý thì ra quyết định thụ lý tố cáo; trường hợp không đủ điều kiện thụ lý thì không thụ lý tố cáo và thông báo ngay cho người tố cáo biết lý do không thụ lý tố cáo.</p> <p>2. Trường hợp tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn tố cáo, phải chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người tố cáo. Trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp thì cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo hướng dẫn người tố cáo đến tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết.</p> <p><b>Bước 2. Thụ lý, xác minh nội dung tố cáo:</b> Chủ tịch UBND cấp xã ban hành quyết định thụ lý giải quyết tố cáo (sau đây gọi tắt là quyết định thụ lý). Việc thay đổi, bổ sung nội dung quyết định thụ lý phải thực hiện bằng quyết định của người giải quyết tố cáo. Trong trường hợp người giải quyết tố cáo tiến hành xác minh thì trong quyết định thụ lý phải thành lập Đoàn xác minh tố cáo hoặc Tổ xác minh tố cáo (sau đây gọi chung là Tổ xác minh) có từ hai người trở lên, trong đó giao cho một người làm Trưởng đoàn xác minh hoặc Tổ trưởng Tổ xác minh (sau đây gọi chung là Tổ trưởng Tổ xác minh). Trong quá trình xác minh, Tổ xác minh phải làm việc với người bị tố cáo, người tố cáo; thu thập các tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo; báo cáo kết quả xác minh...</p> <p><b>Bước 3. Kết luận nội dung tố cáo:</b> Căn cứ vào nội dung tố cáo, giải trình của người bị tố cáo, kết quả xác minh nội dung tố cáo, tài liệu, chứng cứ có liên quan, Chủ tịch UBND cấp xã ban hành kết luận nội dung tố cáo.</p> <p>Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, Chủ tịch UBND cấp xã gửi kết luận nội dung tố cáo đến người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức quản lý người bị tố cáo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; thông báo về kết luận nội dung tố cáo đến người tố cáo.</p> <p><b>Bước 4. Xử lý tố cáo của người giải quyết tố cáo:</b> Chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố</p>
---------------------------	---



	<p>cáo, Chủ tịch UBND cấp xã căn cứ vào kết luận nội dung tố cáo tiến hành việc xử lý theo quy định.</p> <p><b>Bước 5. Công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo và thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cáo.</b></p> <p>1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ra kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo, Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm thực hiện việc công khai kết luận nội dung tố cáo, người có thẩm quyền xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm công khai quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo.</p> <p>2. Việc công khai kết luận nội dung tố cáo , quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức sau đây:</p> <p>a) Công bố tại cuộc họp cơ quan, tổ chức nơi người bị tố cáo công tác;</p> <p>b) Niêm yết tại trụ sở làm việc hoặc nơi tiếp công dân của người đã giải quyết tố cáo, người đã ra quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo;</p> <p>c) Đăng tải trên cổng thông tin điện tử hoặc mạng thông tin nội bộ của người đã giải quyết tố cáo, người đã ra quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo;</p> <p>d) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.</p>
<b>Cách thức thực hiện</b>	Trực tiếp tại Trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính.
<b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b>	<p><b>a) Thành phần hồ sơ giải quyết tố cáo gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn tố cáo hoặc Biên bản ghi nội dung tố cáo trực tiếp;</li> <li>- Văn bản và các tài liệu khác có liên quan đến nội dung tố cáo (nếu có).</li> </ul> <p><b>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</b></p>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	<p>1. Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo.</p> <p>2. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày.</p> <p>3. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.</p> <p>4. Người giải quyết tố cáo quyết định bằng văn bản việc gia hạn giải quyết tố cáo và thông báo đến người tố cáo, người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.</p>
<b>Đối tượng thực hiện</b>	Cá nhân.
<b>Cơ quan thực hiện</b>	UBND cấp xã
<b>Kết quả thực hiện</b>	Kết luận nội dung tố cáo và quyết định xử lý người có hành vi vi phạm bị tố cáo.
<b>Tên mẫu đơn, tờ khai</b>	Không.
<b>Căn cứ pháp lý</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14</li> <li>- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ</li> </ul>